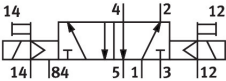
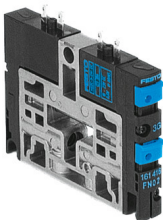


Van điện từ **CPV10-M1H-5JS-M7** Số bộ phận: 161415



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chức năng van	5/2 lưỡng ổn định
Kiểu vận hành	điện
Kích thước van	10 mm
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	400 l/ph
Cổng nối làm việc bằng khí nén	M7
Điện áp vận hành	24V DC
Áp suất vận hành	-0.09 MPA...1 MPA -0.9 bar...10 bar
Cấu trúc xây dựng	thanh trượt pít tông
Mức độ bảo vệ	IP65
Chiều rộng định mức	4 mm
Chức năng khí xả	không thể điều tiết
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Nút ghi đè	khớp quét
Kiểu điều khiển	điều khiển trước
kiểm soát cung cấp không khí	bên ngoài trong
Hướng dòng chảy	không thể đảo ngược
Xếp chồng	gối chồng dương
Áp suất điều khiển	0.3 MPA...0.8 MPA 3 bar...8 bar
giá trị b	0.4
Giá trị C	1.6 l/s*bar
Thời gian chuyển đổi lúc	10 ms
Thời gian bật	100% liên quan đến giảm dòng điện hãm
Mức tiêu thụ điện năng	0.46 W
Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0	1400 µs
Xung thử nghiệm âm tối đa với 1 tín hiệu	700 µs
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)

Đặc tính	Giá trị
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...40 °C
Nhiệt độ trung bình	-5 °C...50 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...50 °C
trọng lượng sản phẩm	70 g
Kiểu gắn	với lỗ xuyên
Cổng nối khí điều khiển 12/14	Đa kết nối
Cổng nối kiểm soát khí thải 82/84	Đa kết nối
Cổng nối khí nén 1	Đa kết nối
Cổng nối khí nén 11	Đa kết nối
Cổng nối khí nén 2	M7
Cổng nối khí nén 3/5 kết hợp	Đa kết nối
Cổng nối khí nén 4	M7
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu của phốt	HNBR NBR
Vật liệu vỏ	Nhôm đúc áp lực Đồng thau POM PPS Thép